

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN LỚP 2: SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (TIẾP THEO)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số 704 được đọc là:

- A. Bảy trăm linh bốn B. Bảy trăm không bốn C. Bảy trăm bốn mươi D. Bảy linh bốn

Câu 2. Số gồm 4 trăm, 0 chục và 8 đơn vị viết là:

- A. 480 B. 804 C. 408 D. 48

Câu 3. Số liền sau của số 899 là:

- A. 898 B. 900 C. 901 D. 1000

Câu 4. Trong các số: 432, 423, 342, 234, số lớn nhất là:

- A. 432 B. 423 C. 342 D. 234

Câu 5. Số tròn chục nhỏ nhất có ba chữ số từ các thẻ 4, 0, 9 là:

- A. 409 B. 940 C. 490 D. 049

Câu 6. Giá trị của chữ số 5 trong số 528 là:

- A. 5 B. 50 C. 500 D. 52

Câu 7. Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 999 B. 987 C. 100 D. 789

Câu 8. Số 645 được viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị là:

- A. $600 + 4 + 5$ B. $6 + 4 + 5$ C. $600 + 40 + 5$ D. $60 + 40 + 5$

Câu 9. Số bé nhất có ba chữ số là:

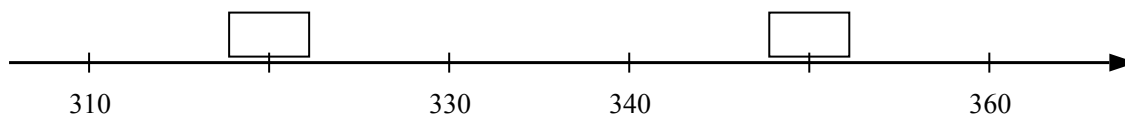
- A. 100 B. 101 C. 111 D. 001

Câu 10. Số liền trước của số 500 là:

- A. 501 B. 400 C. 499 D. 490

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Điền số thích hợp vào ô trống trên tia số:



Bài 2. Hoàn thành bảng sau:

Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
3	6	4		
.....				Sáu trăm linh chín
9	3	5		

Bài 3. Điền dấu (>, <, =) thích hợp:

- 307 503 410 450 157 715 835 799
512 201 289 298 211 251 819 798

Bài 4. Sắp xếp các số sau: **510, 450, 290, 470**

a. Bé đến
lớn:

b. Lớn đến
bé:

Bài 5. Cho 3 thẻ số **0, 5, 9**. Viết các số có 3 chữ số khác nhau:

.....

Bài 6. Tìm số có ba chữ số: trăm là 4, chục là số lớn nhất có 1 chữ số, đơn vị kém trăm 2 đơn vị.

.....

Bài 7. Viết các số tròn chục có ba chữ số và lớn hơn 970:

.....

Bài 8. Số liền trước của một số là 599. Vậy số đó là số nào?

.....

Bài 9. Tính tổng của số lớn nhất có hai chữ số và số 1:

.....

Bài 10. Từ ba chữ số 2, 5, 7, viết số lớn nhất và số bé nhất có ba chữ số khác nhau:

Lớn nhất: Bé nhất:

